

Số: 03/KHGD-NT

Ea Tiêu, ngày 03 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG **Năm học 2022 – 2023**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc Hội về Đổi mới Chương trình, Sách giáo khoa Giáo dục phổ thông;

Căn cứ vào Thông tư 04/2014/TT- BGDDT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành qui định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đổi mới chương trình, SGK phổ thông”;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 16/2006/QĐ- BGDDT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ công văn 2345/BGD&ĐT- GDTH, ngày 07/6/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục cấp tiểu học;

Căn cứ công văn số 1315/BGDĐT- GDTH ngày 16 tháng 4 năm 2020 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học;

Căn cứ Công văn 3535/BGDĐT- GDTH ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn Thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020-2021;

Kế hoạch số 1990/SGDDT- GDTH ngày 23/12/2019 của Sở GD&ĐT Đắk Lắk về Kế hoạch triển khai chương trình Giáo dục phổ thông 2018;

Kế hoạch số 959/SGD-ĐT, ngày 07/7/2021 của Sở GD&ĐT Đắk Lắk về xây dựng Kế hoạch giáo dục;

Công văn 267/PGDDT- CMTH ngày 08/9/2021 của Phòng GD&ĐT Cư Kuin về việc ban hành Kế hoạch điều chỉnh chương trình lớp 5 đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT 2018;

Công văn số 228/PGDDT- CMTH ngày 04/8/2021 của Phòng GD&ĐT Cư Kuin về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường;

Căn cứ quyết định số 1834/QĐ – UBND ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Khung Kế hoạch thời gian năm học

2022- 2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Thực hiện Công văn số 220/PGD&ĐT-CMTH ngày 22/9/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Cư Kuin về việc hướng dẫn nhiệm vụ Giáo dục Tiểu học năm học 2022-2023;

Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2021-2022, căn cứ tình hình thực tế của Nhà trường và địa phương, Trường Tiểu học Nơ Trang Long xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2022 - 2023 như sau:

II. BỐI CẢNH NHÀ TRƯỜNG

II.1. Bối cảnh bên trong

II.1.1. Điểm mạnh của nhà trường

- Luôn nhận được sự quan tâm của Sở GD&ĐT, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện; sự chỉ đạo sát sao của Phòng GD&ĐT Cư Kuin về thực hiện nhiệm vụ năm học; được sự ủng hộ, quan tâm của Đảng ủy, chính quyền địa phương và nhân dân xã Ea Tiêu và Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

- Trường có 19 lớp với 479 học sinh, bộ máy tổ chức đảm bảo đúng quy định của Điều lệ trường Tiểu học.

- Cán bộ quản lý của trường gồm 3 đồng chí đều có trình độ Đại học và Trung cấp chính trị. Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường có năng lực, linh hoạt, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc chung.

***Đội ngũ:**

- Tổng số CB-GV-NV: 37; Trong đó:

+ CBQL: 03; GV: 29; NV: 05;

+ Nữ: 31; Tỷ lệ: 83,8%; Nữ DTTS: 09; Tỷ lệ: 24,3%;

+ VC người DTTS: 09; Tỷ lệ: 24,3%;

- Trình độ đào tạo:

+ Đại học: 31, tỷ lệ: 83,8 % ; GV: 24, tỷ lệ: 64,9% ;

+ Cao đẳng: 04; chiếm tỷ lệ: 10,8% ;

+ Trung cấp: 01; chiếm tỷ lệ: 2,7%

+ Sơ cấp: 01 (bảo vệ); chiếm tỷ lệ: 2,7% ;

- Giáo viên và CBQL đạt giáo viên dạy giỏi các cấp qua các thời kì: Cấp huyện: 12; cấp tỉnh: 03; cấp Quốc gia: 01 (CBQL).

- Trường có các giáo viên được đào tạo chính quy về Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục, Tiếng Anh, Tin học nên thuận lợi cho việc bố trí dạy học các môn học này một cách chủ động và hiệu quả.

- Chất lượng giáo dục đảm bảo ổn định và được nâng cao: học sinh được đánh giá hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 96%; 100% học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học.

- Số học sinh/lớp đảm bảo đúng quy định, đảm bảo cho việc giáo viên tổ chức các hình thức dạy học linh hoạt và đảm bảo cho việc giáo viên có thể dạy đến từng học sinh.

- 100% học sinh lớp 1, 2, 3 được học 2 buổi/ngày. Khối lớp 4, 5 học 6-7 buổi/tuần. Trên 85% học sinh ngoan, tích cực học tập và rèn luyện, hăng say các hoạt động tập thể.

- Cơ sở vật chất nhà trường tương đối đảm bảo đáp ứng phục vụ dạy học theo yêu cầu hiện tại. Có hệ thống máy tính được kết nối Internet để truy cập thông tin và phục vụ giảng dạy.

- Nhà trường đã quản lý và sử dụng hợp lý nguồn ngân sách chi thường xuyên và thực hiện nghiêm túc các khoản đóng góp từ nhân dân.

II.1.2. Điểm yếu

- Một số giáo viên còn hạn chế về khả năng sử dụng CNTT trong dạy học nhất là sử dụng giáo án điện tử.

- Số học sinh người dân tộc thiểu số chiếm từ 91 đến 95%; số học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo chiếm tỷ lệ cao 24,8% (**119/479**).

- Nhiều gia đình phụ huynh chưa qua tâm đến việc học của con em, còn phó mặc cho nhà trường.

- Có 25 học sinh có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ đi làm ăn xa, ở với ông bà, chưa mạnh dạn tự tin và tích cực trong học tập, hay nghỉ học theo mùa vụ.

- Cơ sở vật chất nhà trường chưa đáp ứng được hoạt động dạy học: trường chưa có phòng học Âm nhạc, Mỹ thuật, tiếng Anh. Chưa có nhà đa năng, phòng hiệu bộ. Còn thiếu 03 phòng học văn hóa.

II.2. Bối cảnh bên ngoài bên ngoài.

II.2.1. Cơ hội.

- Năm học 2022-2023 tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng theo hướng mở, đảm bảo định hướng thống nhất và những nội dung giáo dục cốt lõi bắt buộc đối với học

sinh toàn quốc, đồng thời trao quyền chủ động và trách nhiệm cho địa phương, nhà trường trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện của địa phương, của nhà trường, góp phần đảm bảo kết nối hoạt động của nhà trường và gia đình, chính quyền và xã hội.

- Đảng và nhà nước coi giáo dục là quốc sách hàng đầu và có nhiều chính sách ưu tiên phát triển giáo dục. Có các chủ trương đúng đắn, phù hợp với giáo dục trong giai đoạn hiện nay. Các cấp lãnh đạo đã ban hành hệ thống các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, kịp thời, cụ thể.

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm chăm lo đến công tác giáo dục; Các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tham gia tích cực vào công tác huy động các nguồn lực tạo môi trường giáo dục thuận lợi cho nhà trường. Đặc biệt là sự quan tâm về mọi mặt của Lãnh đạo Phòng GD&ĐT huyện Cư Kuin.

- Yêu cầu về chất lượng giáo dục của học sinh và phụ huynh ngày càng cao. phụ huynh đã quan tâm đến việc học của con em và tạo điều kiện thuận lợi cho con em được học tập, luôn đồng thuận và ủng hộ với mọi kế hoạch giáo dục của nhà trường.

II.2.2 Thách thức.

- Tâm lý lo lắng của các bậc phụ huynh học sinh khi triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018, đặc biệt là việc thay bộ sách giáo khoa mới đối với học sinh lớp 1, 2, 3.

- Đội ngũ giáo viên được đào tạo, giảng dạy theo hướng “trang bị kiến thức cho học sinh” nay chuyển sang dạy học theo định hướng “Phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh”, bên cạnh đó là việc thực hiện thay sách giáo khoa đối với chương trình lớp 1, 2, 3 nên gặp nhiều trở ngại; một số giáo viên gặp khó khăn trong đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị xuống cấp; trường có điểm trường lẻ xa điểm trường chính, giao thông đi lại khó khăn.

- Học sinh người dân tộc thiểu số còn hạn chế về tiếng Việt, ngại giao tiếp, ý thức tự học, tự rèn chưa cao.

- Số nhiều phụ huynh kinh tế còn khó khăn, chưa quan tâm đến việc học tập của con em.

- Năm học 2022-2023 là năm học đầu tiên thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với HS lớp 3, nhiệm vụ của các nhà trường là phải cụ thể hóa mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp học sinh biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, biết xây dựng và phát triển hài hòa các

mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

- Để đạt được được các mục tiêu lớn của chương trình giáo dục phổ thông 2018, cần phải có đầy đủ các yếu tố về cơ sở vật chất, về con người nhưng cả hai nội dung này các cơ sở giáo dục đang hoàn toàn phụ thuộc vào chính quyền các cấp: xã, huyện, tỉnh.

II.3. Định hướng cụ thể trong xây dựng kế hoạch giáo dục:

- Trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ cho việc triển khai chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, 2, 3; Tổ chức thực hiện dạy học 2 buổi/ngày cho 100% học sinh lớp 1, 2, 3 (9 buổi/tuần, mỗi ngày không quá 7 tiết).

- Đối với lớp 4, 5 tổ chức dạy học 7 đến 8 buổi/tuần.

- Tổ chức lớp học, phân công giáo viên và xây dựng bộ máy tổ chức theo kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Bên cạnh các môn tự chọn tổ chức dạy tăng cường các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, tư vấn tâm lý học đường cho học sinh.

- Tổ chức triển khai các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường, lồng ghép thực hiện nội dung giáo dục địa phương. Ngoài các tiết trải nghiệm hàng tuần như sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt tập thể lớp, mỗi tháng sẽ tổ chức một buổi trải nghiệm theo chủ đề hàng tháng.

- Tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục tăng cường, mở rộng theo hướng phân hóa; đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học: dạy học trên lớp, dạy học theo chủ đề, chuyên đề, dạy học trải nghiệm ...

- Hàng tháng dành một buổi chiều thứ 4 tuần chẵn để sinh hoạt tổ chuyên môn, và họp hội đồng giáo dục, các buổi chiều thứ 4 còn lại dành để phụ đạo cho học sinh chưa hoàn thành hoặc bồi dưỡng học sinh năng khiếu, tổ chức Câu lạc bộ, sân chơi khác cho học sinh.

- Bồi dưỡng giáo viên theo yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục tiểu học.

- Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và các điều kiện.

III. MỤC TIÊU

III.1. Mục tiêu chung

Xây dựng trường học an toàn, thân thiện, bình đẳng, kỷ cương; nâng cao chất lượng giáo dục; cán bộ, giáo viên tích cực, sáng tạo; học sinh có cơ hội học tập, phát triển năng lực và phẩm chất, yêu thích đi học, cảm nhận mỗi ngày đến trường là một ngày vui.

III.2. Mục tiêu cụ thể

Phần đầu năm học 2022-2023, trường tiểu học Nơ Trang Long đạt các mục tiêu sau:

- Thực hiện hiệu quả về đổi mới giáo dục, dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học;
- 97- 98% học sinh được đánh giá mức đạt trở lên về phẩm chất và năng lực, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào thực tế.
- Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của học sinh.
- Bồi dưỡng, phát triển học sinh năng khiếu, tổ chức các câu lạc bộ để phát huy năng lực của học sinh.
- Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực.
- Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ, nâng cao kiến thức trình độ chuyên môn, đổi mới sinh hoạt chuyên môn tổ (nhóm).
- Tạo không khí làm việc thân thiện, dân chủ; phát huy năng lực, sở trường, khả năng sáng tạo của giáo viên, thực hiện tốt văn hóa công sở.
- Trên 95% học sinh lớp 1, 2, 3, 4 hoàn thành chương trình lớp học và 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học.
- Phần đầu $270/479 = 56,4\%$ học sinh được khen thưởng cấp trường.
- Phần đầu 6 - 10 em tham gia Thể dục thể thao giỏi cấp huyện và đạt giải;
- Tăng cường triệt để công tác tăng cường tiếng Việt cho học sinh người dân tộc thiểu số.
- Tổ chức đầy đủ các hoạt động trải nghiệm, huy động 100% học sinh tham gia với kết quả tốt.
- Huy động 100% trẻ 6 tuổi (sinh năm 2016) vào lớp 1.

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

IV.1. Thực hiện chương trình giáo dục

IV.1.1. Kế hoạch chung

Căn cứ khung chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành theo Thông tư 32/2018 của Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn của các cấp nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục chi tiết cho các môn học.

Kế hoạch dạy học đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương. Đối tượng học sinh theo từng khối lớp, điểm trường, đồng thời phải đảm bảo dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học. Cụ

thê: đối với lớp 1, 2, 3 dạy các môn theo quy định của Chương trình GDPT 2018 với thời lượng 32 tiết/tuần.

Khối lớp 4, 5 thực hiện dạy học đủ tiết theo chương trình Giáo dục phổ thông cấp tiểu học (Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT, ngày 05/5/2006 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông).

Các tổ (nhóm) chuyên môn có trách nhiệm xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học, thiết kế tiến trình dạy học trong mỗi môn học, chủ đề dạy học phù hợp; chú trọng giáo dục đạo đức và giá trị sống; tăng cường các hoạt động trải nghiệm giúp học sinh vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Các tiết học tăng thời lượng (2 buổi/ngày) ở các khối lớp được bố trí như sau: Tiết giáo dục kỹ năng sống tất cả các khối lớp: Sử dụng tài liệu kỹ năng sống, tài liệu văn hóa giao thông để dạy. Dạy kỹ năng phòng, tránh đuối nước, tai nạn thương tích vào chương trình giáo dục kỹ năng sống theo hướng dẫn của Sở, Phòng GD&ĐT. Ngoài ra, thực hiện lồng ghép các nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh lồng ghép trong các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các tiết dạy của môn đạo đức, lồng ghép giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục an toàn giao thông, văn hóa giao thông trong các môn học: Đạo đức, Tiếng Việt, TN&XH, Lịch sử, Địa lý.

Tiết học tăng cường tiếng Việt và Toán đối với lớp 1, tiết ôn tập và hướng dẫn tự học đối với lớp 2 nhằm giúp học sinh củng cố kiến thức, rèn luyện các kỹ năng và phát triển các năng lực, phẩm chất.

***Tình hình học sinh**

Khối lớp	Số lớp	Số HS	Dân tộc	Nữ	Nữ DT	Hộ nghèo	Cận nghèo	Khuyết tật
Một	4	108	99	53	48	14	12	
Hai	4	101	88	52	45	22	9	
Ba	3	87	82	41	39	15	11	1
Bốn	3	86	76	41	38	10	8	
Năm	3	97	87	50	44	13	5	2
Tổng cộng	17	479	432	237	214	74	45	3

IV.1.2. Quy định số tiết dạy: - Đối với lớp 1

TT	Môn học	Khối lớp 1		
		HK1	HK2	CN
1	Tiếng Việt	216	204	420
2	Toán	54	51	105
3	Đạo đức	18	17	35
4	Tự nhiên và Xã hội	36	34	70
5	Giáo dục thể chất	36	34	70
6	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	36	34	70
7	Hoạt động trải nghiệm	54	51	105
8	Tăng cường Toán	53	51	104
9	Tăng cường tiếng Việt	54	51	105
10	GD KNS	18	17	35
Tổng số tiết		1.120 tiết		
Tổng số tiết/tuần		1120 tiết/35 tuần = 32 tiết/tuần		
Số buổi dạy		9 buổi/tuần		

- Đối với lớp 2

TT	Môn học	Khối lớp 2		
		HK1	HK2	CN
1	Tiếng Việt	180	170	350
2	Toán	90	85	175
3	Đạo đức	18	17	35
4	Tự nhiên và Xã hội	36	34	70
5	Giáo dục thể chất	36	34	70
6	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	36	34	70
7	Hoạt động trải nghiệm	54	51	105
8	Tăng cường Toán	54	51	95
9	Tăng cường tiếng Việt, em nói TV	72	68	140
Tổng số tiết		1.110 tiết		
Tổng số tiết/tuần		1110 tiết/35 tuần = 32 tiết/tuần		
Số buổi dạy		9 buổi/tuần		

- Đối với lớp 3

TT	Môn học	Khối lớp 3		
		HK1	HK2	CN
1	Tiếng Việt	126	119	245

2	Toán	90	85	175
3	Đạo đức	18	17	35
4	Tự nhiên và Xã hội	36	34	70
5	Giáo dục thể chất	36	34	70
6	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	36	34	70
7	Hoạt động trải nghiệm	54	51	105
8	Tăng cường Toán	36	34	70
9	Tăng cường tiếng Việt	36	34	70
10	CN-Tin	36	34	70
Tổng số tiết		980 tiết		
Tổng số tiết/tuần		980 tiết/35 tuần = 32 tiết/tuần		
Số buổi dạy		9 buổi/tuần		

- Đối với các lớp 4, 5

TT	Môn học	Khối lớp 4			Khối lớp 5			
		CN	HK1	HK2	CN	HK1	HK2	CN
1	Toán	175	90	85	175	90	85	175
2	T. Việt	280	144	136	280	144	136	280
3	TN&XH	70						
4	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35
5	Â. nhạc	35	18	17	35	18	17	35
6	M. thuật	35	18	17	35	18	17	35
7	Thủ công	35						
8	LS & ĐL		36	34	70	36	34	70
9	Khoa học		36	34	70	36	34	70
10	T. dục	70	36	34	70	36	34	70
11	Kĩ thuật		18	17	35	18	17	35
12	Tin học							
13	T. Anh	70	36	34	70	36	34	70
14	Ê đê	70	36	34	70	36	34	70
15	GDKNS	70	36	34	70	36	34	70
16	HD tự học							
17	Luyện Toán							
18	Luyện T. Việt							
Tổng số tiết		1015	540	493	1015	540	493	1015
Số tiết/tuần		1015 tiết/35 tuần = 31 tiết/tuần			1015 tiết/35 tuần = 31 tiết/tuần			
Số buổi dạy/tuần		8 buổi			8 buổi			

IV.2. Tổ chức thực hiện dạy học 2 buổi/ngày:

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho tất cả học sinh khối lớp 1,2,3 đảm bảo mỗi ngày không quá 7 tiết, mỗi tiết học 35 phút, 9 buổi với 32 tiết/tuần.

- Đảm bảo thực hiện đúng chương trình giáo dục tiểu học. Bố trí thời gian học tập trên lớp, ở nhà; thời gian vui chơi và tham gia các hoạt động xã hội hợp lý, không gây quá tải cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Các hoạt động dạy học, giáo dục bao gồm hoạt động dạy học giáo dục trong các giờ học chính khóa và các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân, chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động.

- Các hoạt động giáo dục trong các giờ chính khóa được tiến hành thông qua dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục do bộ ban hành.

- Các hoạt động giáo dục ngoài chính khóa bao gồm các hoạt động về khoa học, văn học, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng tránh các tai nạn thương tích, các tệ nạn xã hội, giáo dục kỹ năng sống, ... được tổ chức để học sinh trải nghiệm thông qua các hoạt động vui chơi, tham quan, giao lưu văn hóa, giáo dục môi trường, hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.

- Đảm bảo các điều kiện về cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; cơ sở vật chất trang thiết bị, môi trường học tập, sinh hoạt để tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục nhằm phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục.

IV.3. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá

IV.3.1. Đổi mới phương pháp dạy học

- Thực hiện nội dung dạy học theo hướng tiếp cận định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới; đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học và nâng cao chất lượng đánh giá học sinh tiểu học. Cụ thể:

+ Dạy học thông qua tổ chức các hoạt động học tập, từ đó giúp học sinh tự khám phá những điều chưa biết chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức đã được sắp đặt sẵn.

+ Tăng cường sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học, ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin phù hợp với nội dung học và đối tượng học sinh.

+ Sử dụng hệ thống câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ học tập phù hợp với các đối tượng trong tiến trình dạy học; chú trọng rèn luyện cho học sinh những tri thức phương pháp để học sinh biết cách đọc sách giáo khoa, tự tìm lại những kiến thức đã có, suy luận để tìm tòi, phát hiện kiến thức mới, vận dụng kiến thức, kỹ năng

vào giải quyết tình huống; chú ý giúp học sinh đảm bảo kiến thức, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu học tập.

+ Thông qua sinh hoạt chuyên môn ở tổ, giáo viên đăng ký tiết dạy, nội dung dạy học theo hướng đổi mới, thể hiện cụ thể trên bài soạn. Chuyên môn nhà trường, tổ chuyên môn dự giờ góp ý đồng thời chọn những tiết dạy thể nghiệm để thảo luận, xây dựng rút kinh nghiệm ở tổ.

- Phụ trách chuyên môn nhà trường chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chuyên môn thảo luận để mỗi giáo viên dạy các môn TN&XH lớp 1, 2, 3 và Khoa học lớp 4, 5 thiết kế các tiết dạy, bài dạy; tổ chức các giờ học cho học sinh thực hành các thí nghiệm với các vật liệu đơn giản, dễ thực hiện. Giáo viên đăng ký các tiết dạy cụ thể và thể hiện trong bài soạn.

- Phụ trách chuyên môn hướng dẫn cho giáo viên Mĩ thuật chủ động sắp xếp bài dạy theo hướng nhóm các nội dung bài học thành các chủ đề theo hướng dẫn tại “Tài liệu dạy học Mĩ thuật dành cho giáo viên tiểu học” từ lớp 1 đến lớp 5, đảm bảo yêu cầu đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đạt hiệu quả cao nhất, góp phần tích cực phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. Tham gia tích cực vào hội thảo chuyên môn cụm trường.

IV.3.2. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống

- Thực hiện dạy học gắn lí thuyết với thực hành; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham quan thực tế, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh. Lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục trong các môn học và hoạt động giáo dục với giáo dục đạo đức, giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước; phòng chống HIV/AIDS.

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe và y tế trường học.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch “Phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước trẻ em trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2017-2020”; Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch “Tăng cường giáo dục kỹ năng sống trong các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2025, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện”.

- Tiếp tục thực hiện dạy học gắn với di sản văn hóa một cách thiết thực, hiệu quả thông qua giờ học Âm nhạc các tiết học dành cho địa phương, sinh hoạt câu lạc bộ...

- Phát triển văn hóa đọc bằng cách khai thác sử dụng thư viện - phòng đọc của trường, thư viện thân thiện, tổ chức các câu lạc bộ khoa học....

IV.3.3. Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh:

- Đối với học sinh lớp 1,2,3: Thực hiện đánh giá học sinh theo Thông tư 27 /2020/TT-BGD&ĐT ngày ..tháng ...năm 2020. Cần chú ý đến việc đánh giá 5 phẩm chất – các năng lực cốt lõi (3 năng lực chung và 7 năng lực đặc thù). Chú ý đến đánh giá mức độ hoàn thành bài học, môn học. Đảm bảo việc đánh giá thường xuyên với việc đánh giá định kỳ. Trong kiểm tra đánh giá chú ý đến mức độ hoàn thành bài học đối với tất cả học sinh. Đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá bằng hồ sơ học tập; vở học tập; đánh giá qua việc quan sát, hỏi đáp và viết.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh khối 4, 5 theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể:

- Phó hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn tiếp tục tập huấn nâng cao năng lực đánh giá thường xuyên, năng lực ra đề kiểm tra định kỳ cho giáo viên.

- Phụ trách chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng ma trận, giáo viên ra đề theo ma trận đã được xây dựng. Đề kiểm tra đảm bảo yêu cầu theo 4 mức độ: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng sáng tạo; Kết hợp giữa tự luận và trắc nghiệm khách quan, đảm bảo sự phù hợp đối tượng học sinh theo từng khối lớp.

- Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn thông qua dự giờ thăm lớp kiểm tra việc đánh giá học sinh của mỗi giáo viên để hỗ trợ, tư vấn nâng cao năng lực cho giáo viên về kỹ thuật đánh giá thường xuyên. Việc kiểm tra, đánh giá nhằm mục đích biết học sinh học như thế nào, có biết vận dụng không, để giáo viên chủ động điều chỉnh phương pháp dạy học linh hoạt, hiệu quả hơn; thúc đẩy sự tiến bộ về năng lực và phẩm chất của học sinh.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

- Thực hiện bàn giao chất lượng giáo dục cuối năm học một cách nghiêm túc, không khen tràn lan gây mất lòng tin và gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

IV.4. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm:

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo chủ điểm của từng tháng.

- Mỗi tháng tổ chức 1 buổi trải nghiệm theo chủ điểm của tháng như “Hội diễn văn nghệ về thầy cô và mái trường”, thi tìm hiểu về truyền thống anh bộ đội Cụ Hồ,...
- Tổ chức trải nghiệm ngoài nhà trường cho học sinh như: thăm viếng đài liệt sĩ xã, ...

Thời gian	Chủ điểm	Nội dung hoạt động	Người phụ trách
Tháng 9	Truyền thống nhà trường	Chúng em vui Tết Trung thu	PHT, TPT, GV
Tháng 10	Mẹ và cô giáo	Kể chuyện, đọc thơ, hát về mẹ	PHT, TPT, GV
Tháng 11	Biết ơn thầy cô giáo	Hội diễn văn nghệ	PHT, TPT, GV
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	Tìm hiểu về truyền thống bộ đội Cụ Hồ	PHT, TPT, GV
Tháng 01	Mừng Đảng, mừng xuân	Hội chợ tết quê em	PHT, TPT, GV
Tháng 02	Mừng Đảng, mừng xuân	Tìm hiểu về Đảng và Bác	PHT, TPT, GV
Tháng 03	Mẹ và cô giáo	Biểu diễn thời trang	PHT, TPT, GV
Tháng 04	Hội vui học tập	Thi Rung chuông vàng	PHT, TPT, GV
Tháng 05	Bác Hồ kính yêu	Đại hội cháu ngoan Bác Hồ	PHT, TPT, GV

V. KẾ HOẠCH TỔNG HỢP NĂM HỌC

V.1. Quy định thời gian học:

Thực hiện Quyết định số 1834 /QĐ-UBND ngày 16/ 8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về Kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, cụ thể đối với giáo dục tiểu học:

- Ngày tựu trường: ngày 29/8/2022. Riêng đối với lớp 1, tựu trường vào ngày 22 tháng 8 năm 2022.
- Ngày khai giảng: ngày 05/9/2022.
- Học kỳ I: Từ ngày 05/9/2022 đến trước ngày 7/01/2023 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).
- Học kỳ II: Từ ngày 9/01/2023 đến trước ngày 20/5/2023 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).
- Ngày kết thúc năm học: Trước ngày 31 tháng 5 năm 2023.

- Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học trước ngày 30 tháng 6 năm 2023.

V.2. Thời gian biểu hàng ngày

BUỔI	TIẾT	THỜI GIAN	GHI CHÚ
SÁNG	Tiết 1	7h15P – 7h 55p	- 7h đánh trống vào, sau đó Thẻ dực và GVCN sinh hoạt 15 phút đầu giờ, riêng thứ 2 và thứ 6 Đội sinh hoạt sao 15p đầu giờ;
	Tiết 2	7 giờ 55 – 8h 35p	
	Tiết 3	8h 35p – 9h 10p	
	Ra chơi	9h 10p – 9h 30p	
	Tiết 4	9h 30p – 10h 10p	
	Tiết 5	10h 10p – 10h 45p	
CHIỀU			
	Tiết 1	13h 15p – 13h 55p	- 13h đánh trống vào, sinh hoạt 15 phút đầu giờ; - 13h 15p bắt đầu vào tiết 1; - Thời gian 1 tiết học: 35 - 40 phút./.
	Tiết 2	13h 55p – 14h 35p	
	Tiết 3	14h 35p – 15h 10p	
	Ra chơi	15h 10p – 15h 30p	
	Tiết 4	15h 30p – 16h 10p	
Tiết 5	16h 10p – 16h 45p		

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 2 - HỌC KÌ I

TT	Môn /tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng
1	Tiếng Việt	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	180
2	Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
3	Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
4	TN&XH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
5	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
6	Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
7	HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
8	TCT	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
9	TC TV	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
10	ENTV	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
12	TStiết/ tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	576

BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 2 - HỌC KÌ II

TT	Môn /tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	Tổng thời lượng
1	Tiếng Việt	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	6	10	10	4	170
2	Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	1	85
3	Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	17
4	TN&XH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1	34
5	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	34
6	Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	34
7	HĐ TN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	1	3	3	2	51
8	TC TV	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	2	2	34
9	TC T	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	1	3	3	2	51
10	ENTV	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1	34
11	TStiết/ tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	18	32	32	14	544

BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 3- HỌC KỲ 1																				
TT	Môn /tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng
1	Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	126
2	Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
3	CN và Tin	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
4	Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
5	TN&XH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
6	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
7	Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
8	HDTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
9	TCT	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
10	TC TV	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
11	Tiếng anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
12	TStiết/ tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	576

BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 3- HỌC KỲ 2																				
TT	Môn /tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	Tổng thời lượng
1	Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	126
2	Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
3	CN và Tin	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
4	Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	17
5	TN&XH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1	34
6	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	34
7	Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	34
8	HD TN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	1	3	3	2	51
9	TC TV	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
10	TC T	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
11	Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
12	TStiết/ tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	28	32	32	26	566

V.5. Thời khóa biểu***Thời khóa biểu Khối 1**

Buổi	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
Sáng	HĐTN	Tiếng việt	GDTC	Tiếng việt	Tiếng việt
	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt
	Tiếng việt	Toán	Tiếng việt	Toán	Toán
	TCTV	TCToán	TNXH	TCTV	HĐTN
Chiều	Đạo đức	TCTV		Tiếng việt	GDTC
	TNXH	TCTV	SHCM	Tiếng việt	Mĩ Thuật
	HĐTN	TCToán		TC Toán	Âm Nhạc

***Thời khóa biểu Khối 2**

Buổi	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
Sáng	HĐTN	TNXH	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt
	Tiếng việt	HĐTN	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt
	Tiếng việt	TCTV	GDTC	Toán	Toán
	Toán	TCTV	Toán	TCToán	TCToán
Chiều	TCTV	Tiếng việt		TNXH	Âm nhạc
	TCTV	Tiếng việt	SHCM	HĐTN	Mĩ thuật
	TCToán	Toán		Đạo đức	GDTC

***Thời khóa biểu Khối 3**

Buổi	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
Sáng	HĐTN	GDTC	Tiếng Anh	Tiếng việt	Tiếng việt
	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng Anh	Toán	Tiếng việt
	Tiếng việt	Tiếng việt	CN-Tin	TNXH	Toán
	Toán	Toán	CN-Tin	Đạo đức	HĐTN
Chiều	Tiếng Anh	Toán		Mĩ thuật	TCTV
	Tiếng Anh	HĐTN	SHCM	GDTC	TCTV
	TCToán	TNXH		Âm nhạc	TCToán

***Thời khóa biểu Khối 4**

Thứ	Tiết	Hai	Ba	Tur	Năm	Sáu
SÁNG	1	Chào cờ	Chính tả	Tập đọc	Toán	Toán
	2	Tập đọc	Toán	Toán	Kể chuyện	Tập làm văn
	3	Toán	LT&câu	Lịch sử	LT&câu	Địa lý
	4	Đạo đức	Khoa học	Tập làm văn	Khoa học	SHL
CHIỀU	1	Âm nhạc	T. Anh		Tin	Ê đê
	2	Mỹ thuật	T. Anh	SHCM	Tin	Ê đê
	3	Thể dục	GD KNS		Thể dục	Kỹ thuật

***Thời khóa biểu Khối 5**

Thứ	Tiết	Hai	Ba	Tur	Năm	Sáu
SÁNG	1	Chào cờ	Chính tả	Tập đọc	Toán	Toán
	2	Tập đọc	Toán	Toán	Kể chuyện	Tập làm văn
	3	Toán	LT&câu	Lịch sử	LT&câu	Địa lý
	4	Đạo đức	Khoa học	Tập làm văn	Khoa học	SHL
CHIỀU	1	Ê đê	Tin		T. Anh	Âm nhạc
	2	Ê đê	Tin	SHCM	T. Anh	Mỹ thuật
	3	Thể dục	GD KNS		Thể dục	Kỹ thuật

VI. CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU**1. Chất lượng giáo dục**

*Toàn trường

Khối	TSHS	Các môn học và hoạt động giáo dục						Chứa hoàn thành		Hoàn thành CT lớp học	
		HTXS		HTT		HT					
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	108	14	13	24	22,2	65	60,2	5	4,6	103	95,4
2	101	14	14	20	20	64	63	3	3,0	98	97
3	87	10	11,5	20	23,0	57	65,5	0	0	87	100
4	86			10	11,6	76	88,4	0	0	86	100
5	97			12	12,4	85	87,6	0	0	97	100

TT	479	38	7,9	86	18	347	72	8	1,67	471	98,33
----	-----	----	-----	----	----	-----	----	---	------	-----	-------

***Khối 1**

Phẩm chất	T SHS	Tốt		Đạt		CCG		
		SL	%	SL	%	SL	%	
Yêu nước	108	75	69,4	33	30,6	0	0	
Nhân ái	108	75	69,4	33	30,6	0	0	
Chăm chỉ	108	38	35,2%	65	60,2	5	4,6	
Trung thực	108	65	60,2	43	39,8	0	0	
Trách nhiệm	108	38	5,2%	65	60,2	5	4,6	
Năng lực								
Tự chủ và tự học	Chung	108	38	35,2%	65	60,2	5	4,6
Giao tiếp và hợp tác		108	40	37%	63	58,4	5	4,6
Giải quyết vấn đề và sáng tạo		108	38	35,2%	65	60,2	5	4,6
Ngôn ngữ	Đặc thù	108	38	35,2%	67	61%	3	3,8%
Tính toán		108	38	35,2%	68	62,9%	2	1,9%
Khoa học		108	40	37%	68	63%	0	0
Công nghệ								
Tin học								
Thẩm mỹ		108	50	46,2%	58	53,8%	0	0
Thể chất	108	50	46,2%	58	53,8%	0	0	

Khối 2

Phẩm chất	TSHS	Tốt		Đạt		CCG	
		SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước	101	73	72,3	28	27,7		
Nhân ái		72	71,3	29	28,7		
Chăm chỉ		31	30,7	67	66,3	3	3.0
Trung thực		62	61,4	39	38,6		
Trách nhiệm		31	30,7	67	66,3	3	3,0
Năng lực							

Tự chủ và tự học	Chung	101	48	47,5%	50	49,5%	3	3,0
Giao tiếp và hợp tác			40	39,6%	58	57,4%	3	3,0
Giải quyết vấn đề			39	38,6%	59	58,4%	3	3,0
Ngôn ngữ	Đặc thù	101	37	36,6%	61	60,4%	3	3,0
Tính toán			31	30,7%	67	66,3%	3	3,0
Khoa học			40	39,6%	58	57,4%	3	3,0
Công nghệ								
Tin học								
Thẩm mỹ			56	55,4%	45	44,5%	0	0
Thể chất			62	61,4%	39	38,6%	0	0

Khối 3

Phẩm chất	TSHS	Tốt		Đạt		CCG	
		SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước	87	62	71,3	25	28,7	0	0
Nhân ái	87	55	63,2	32	36,8	0	0
Chăm chỉ	87	30	34,5	57	65,5	0	0
Trung thực	87	55	63,2	32	36,8	0	0
Trách nhiệm	87	30	34,5	57	65,5	0	0
Năng lực							

Tự chủ và tự học		Chung	87	30	34,5	57	65,5	0	0
Giao tiếp và hợp tác			87	40	46	47	54	0	0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo			87	30	34,5	57	65,5	0	0
Ngôn ngữ	Đặc thù		87	30	34,5	57	65,5	0	0
Tính toán			87	30	34,5	57	65,5	0	0
Công nghệ			87	30	34,5	57	65,5	0	0
Tin học			87	30	34,5	57	65,5	0	0
Thẩm mỹ			87	30	34,5	57	65,5	0	0
Thể chất			87	30	34,5	57	65,5	0	0
Tìm hiểu tự nhiên và xã hội			87	40	46	47	54	0	0

Khối 4,5:

Khối		Khối 4	Tỷ lệ %	Khối 5	Tỷ lệ %
Môn học và các HĐGD					
Tiếng Việt	HTT	10	11,6%	12	12,4%
	HT	76	88,4%	85	87,6%
	CHT	0	0	0	0
Toán	HTT	10	11,6%	12	12,4%
	HT	76	88,4%	85	87,6%
	CHT	0	0	0	0
Khoa học	HTT	15	17,4%	15	15,5%
	HT	71	82,6%	82	84,5%

	CHT	0	0	0	0
LS&ĐL	HTT	10	11,6%	15	15,5%
	HT	76	88,4%	82	84,5%
	CHT	0	0	0	0
Tiếng Anh	HTT	10	11,6%	12	12,4%
	HT	76	88,4%	85	87,6%
	CHT	0	0	0	0
Tin học	HTT				
	HT				
	CHT				
Đạo đức	HTT	15	17,4%	15	15,5%
	HT	71	82,6%	82	84,5%
	CHT	0	0	0	0
Âm nhạc	HTT	15	17,4%	15	15,5%
	HT	71	82,6%	82	84,5%
	CHT	0	0	0	0
Mĩ Thuật	HTT	15	17,4%	15	15,5%
	HT	71	82,6%	82	84,5%
	CHT	0	0	0	0
TC/K.Thuật	HTT	15	17,4%	15	15,5%
	HT	71	82,6%	82	84,5%
	CHT	0	0	0	0
Thể dục	HTT	15	17,4%	15	15,5%
	HT	71	82,6%	82	84,5%
	CHT	0	0	0	0

Năng lực	Tốt	10	11,6%	12	12,4%
	Đạt	76	88,4%	85	87,6%
	CCG	0	0	0	0
Phẩm chất	Tốt	30	34,9%	35	36,1%
	Đạt	56	65,1%	62	63,9%
	CCG	0	0	0	0

2. Duy trì sĩ số:

- Phân đầu duy trì sĩ số đạt tỷ lệ 98 - 100% ;

3. Công tác học tập, bồi dưỡng CTGDPT 2018:

- Bồi dưỡng đại trà cho 100% GV và tỷ lệ đạt 100%;
- 100% CBQL tham gia và đạt 100%;
- Kiểm tra toàn diện hoạt động sư phạm: 50% GV/năm học;

4. Công tác thi đua - khen thưởng:

- Tập thể:

+ Nhà trường: Tập thể Lao động tiên tiến

+ Công đoàn: Vững mạnh

+ Liên đội: Xuất sắc

- CB, GV, NV:

+ Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 3 - 4 đ/c

+ Lao động Tiên tiến: 20 - 22 đ/c

- Giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường: 18 – 20 đ/c

- Giáo viên dạy giỏi cấp huyện: 2 – 3 đ/c

- Thi GVCN lớp giỏi 15-17 đồng chí

- Tham gia cấp huyện từ 2-3 đồng chí

- Sáng kiến kinh nghiệm: 50– 60% viên chức tham gia viết đề tài;

- Sáng kiến kinh nghiệm cấp huyện: 3 – 4 đề tài;

- Khen thưởng cho GV bồi dưỡng HS đạt giải các cấp (theo quy chế chi tiêu nội bộ đã xây dựng)
- Mỗi tổ chuyên môn thiết kế 02 bài giảng điện tử dự thi cấp trường;
- Dự giờ 18 tiết/GV/năm học.
- Thao giảng 04 tiết/GV/năm học.
- Mỗi khối có ít nhất 01 tiết hội giảng sử dụng giáo án điện tử/năm học.
- Dự giờ đột xuất 50%/ tổng số GV.
- Lớp xuất sắc: 5 - 7 lớp;
- Khối xuất sắc: 2 – 3 khối;
- Ngoài ra, còn tổ chức các chuyên đề, hội thi theo kế hoạch chuyên môn của trường và của Phòng GD&ĐT cũng như do các cấp tổ chức.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Hiệu trưởng

- Xây dựng kế hoạch động giáo dục nhà trường và triển khai thực hiện kế hoạch, chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.
- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền về thực hiện chương trình GDPT 2018; làm tốt công tác tham mưu về xây dựng CSVC, bổ sung trang thiết bị dạy học.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.
- Chỉ đạo tổ chức các hoạt động bồi dưỡng đội ngũ.
- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường;
- Ra các quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.
- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.
- Chỉ đạo trực tiếp khối 1 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, kiểm tra đánh giá. Tham gia sinh hoạt chuyên môn tổ khối kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp đặc thù của địa phương.

2. Đối với Phó Hiệu trưởng

- Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường để đảm bảo dạy học 9 buổi/ tuần (đối với học sinh khối 1,2,3) 9 buổi/tuần (đối với học sinh khối 4, 5). Thời khóa biểu phải đảm bảo ưu tiên người học không gây quá tải cho học sinh.

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục và phân công giáo viên dạy cụ thể.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học các môn học lớp 1; đổi mới PPDH.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

3. Đối với tổ trưởng tổ chuyên môn

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn.

- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo đúng quy định tập trung sinh hoạt chuyên đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. đặc biệt chú ý đến nội dung đổi mới phương pháp dạy học và việc lựa chọn nội dung dạy học, những vấn đề vướng mắc trong thực hiện chương trình lớp 1.

- Thực hiện công tác thăm lớp dự giờ, góp ý rút kinh nghiệm các giờ dạy và thực hiện bồi dưỡng giáo viên của tổ.

- Thực hiện công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động chuyên môn theo sự phân công.

- Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ theo kế hoạch.

- Tổ chức các hoạt động GDNGLL, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động khác.

4. Đối với giáo viên

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.

- Thực hiện nghiêm túc mọi quy chế chuyên môn.

- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.
- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.
- Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.
- Sẵn sàng đề xuất những nội dung cần thiết, liên quan đến việc tổ chức dạy học và các hoạt động khác với nhà trường để mang lại hiệu quả tốt nhất cho đơn vị.

5. Đối với Tổng phụ trách Đội

- Kết hợp với phó hiệu trưởng và các bộ phận, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường và các yếu tố liên quan để chủ động xây dựng kế hoạch về các buổi trải nghiệm thực tế cho học sinh để tham mưu với lãnh đạo nhà trường triển khai thực hiện có hiệu quả. Kế hoạch phải đảm bảo rõ ràng về mục đích ý nghĩa, địa chỉ cụ thể các điểm đến; dự kiến kinh phí thực hiện và thành phần tham gia cùng học sinh; lộ trình và thời gian (bắt đầu - kết thúc).
- Thành lập các ban của liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường.
- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

6. Đối với nhân viên Thư viện, Thiết bị

- Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị.
- Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.
- Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.
- Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch Tổ chức Ngày hội đọc sách (*về thời điểm? về cách tổ chức? Thành phần cần phối hợp để tổ chức? ...*) để đảm hiệu quả hoạt động.

7. Công tác kiểm tra, giám sát

- Kiểm tra chuyên môn: Theo kế hoạch tháng.

